

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 12 – 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hương
2. Ông Phạm Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đồng Mây Hồng Tuyên – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 28/12/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 261/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Như K, sinh năm 1985. (có mặt)
2. Bị đơn: Ông Trần Đại H, sinh năm 1983. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Phước Lợi, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2023 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Đại H chung sống tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2008, tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông H đi làm nh không đưa tiền để phụ giúp vợ nuôi con, ra ngoài chơi bởi về nhà kiểm chuyện gây sự và dùng lời nói đe dọa uy hiếp bà, thậm chí ông H còn nhiều lần đánh đập, dùng bạo lực với bà gây thương tích. Năm 2018, bà có nộ đơn khởi kiện

yêu cầu ly hôn với ông H, ông H hứa sẽ thay đổi nên bà rút đơn vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên ông H vẫn không thay đổi, đến khoảng tháng 6/2023 bà nộp đơn lần thứ 2, sau đó bà lại rút đơn.

Nay tình cảm của bà với ông H không còn nữa, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung là Trần Anh Q, sinh ngày 24/3/2009; Trần Thị Kim N, sinh ngày 27/9/2011; Trần Thị Kim T, sinh ngày 03/7/2020. Hiện các con đang sống với bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi ba con chung Q, N và T, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/10/2023 cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Trần Đại H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Như K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau vào khoảng năm 2018 bà K có nộp đơn ly hôn ông, sau đó rút đơn vợ chồng về đoàn tụ. Đến tháng 6 năm 2023 bà K tiếp tục nộp đơn ly hôn ông lần thứ 2, sau đó bà K lại rút đơn về đoàn tụ và đến nay bà K tiếp tục nộp đơn ly hôn với ông lần thứ 3. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do bà K bỏ mặc chồng con, hay đi sớm về khuya, ông có góp ý thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, khoảng tháng 6/2023 vợ chồng có mâu thuẫn, xô xát với nhau do bà K không chịu về chung sống với ông mà ở nhờ nhà em gái ở B đến nay, mâu thuẫn vợ chồng gia đình hai bên đều biết có khuyên bảo để hàn gắn lại, nhưng bà K không đồng ý đoàn tụ. Nay bà K kiên quyết ly hôn với ông, ông không đồng ý ly hôn, vì ông còn tình cảm với bà K.

Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung là Trần Anh Q, sinh ngày 24/3/2009; Trần Thị Kim N, sinh ngày 27/9/2011 và Trần Thị Kim T, sinh ngày 03/7/2020. Hiện các con đang sống với bà K. Trường hợp Tòa án xét xử cho ly hôn, ông yêu cầu được nuôi cháu Trần Thị Kim T; còn hai cháu Trần Anh Q và Trần Thị Kim N thì giao cho bà K được tiếp tục nuôi dưỡng. Không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án dân sự đúng trình tự, thủ tục. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Như K và ông Trần Đại H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, ông H còn sử dụng bạo lực với bà K, đã hai lần bà K nộp đơn yêu cầu ly hôn ông H. Nay bà K tiếp tục yêu cầu ly hôn ông H, chứng tỏ mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, không thể kéo dài. Đề nghị HĐXX, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Như K. Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung là Trần Anh Q, sinh ngày 24/3/2009; Trần Thị

Kim N, sinh ngày 27/9/2011 và Trần Thị Kim T, sinh ngày 03/7/2020, hiện các con đang sống với bà K. Xét nguyện vọng của các cháu được sống với bà K, bà K cũng đang chăm sóc tốt các con, nên giao các con chung cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Như K khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện N xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Trần Đại H trú tại thôn P, xã P, huyện N. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện N thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Nội dung khởi kiện: Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Như K và ông Trần Đại H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã P, huyện N trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, ông H còn sử dụng bạo lực với bà K, đã hai lần bà K nộp đơn khởi kiện ly hôn ông H tại Tòa án nH sau đó bà K rút đơn, vợ chồng trở về đoàn tụ. Những mâu thuẫn như trên của vợ chồng đều được ông H thừa nhận. Biên bản xác minh ngày 10/11/2023 tại chính quyền địa phương nơi bà K và ông H sống cho biết như sau: “... *Quá trình chung sống, vợ chồng bà K, ông H thường xảy ra cãi vã, gia đình khuyên giải nH không thành...*”. Chứng tỏ hôn nhân giữa bà K và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như K đề nghị được ly hôn với ông Trần Đại H là có căn cứ, có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung Trần Anh Q, sinh ngày 24/3/2009; Trần Thị Kim N, sinh ngày 27/9/2011 và Trần Thị Kim T, sinh ngày 03/7/2020, hiện các con đang sống với bà K được bà K chăm sóc tốt. Mặt khác xét nguyện vọng của các cháu Q và N được sống với mẹ, nên giao các con chung Q, N và T cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con của bà K.

[3] Về án Phí: Bà K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như K. Bà Nguyễn Thị Như K được ly hôn với ông Trần Đại H.

2/. Về con chung: Giao các cháu Trần Anh Q, sinh ngày 24/3/2009; Trần Thị Kim N, sinh ngày 27/9/2011 và Trần Thị Kim T, sinh ngày 03/7/2020 cho bà Nguyễn Thị Như K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Đại H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà K không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Như K phải chịu 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nH được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000877, ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Bà K đã nộp đủ án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4./ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND N;
- Chi cục THADS N;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu (hồ sơ, án văn)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Lê Thị Hường Phạm Ngọc Minh

Vũ Văn Cường

